

Bản án số: 62/2019/HS-PT

Ngày 14-8-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Khương

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nhân

Bà Lê Hồng Hạnh

Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Duy Đức - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Hà Văn Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 32/2019/TLPT-HS ngày 23 tháng 4 năm 2019 đối với các bị cáo Nguyễn Trọng V và các đồng phạm, Nguyễn Trọng M, Nguyễn Văn L, Nguyễn Xuân T, Dương Hồng P, Điều Lý H, Phạm Văn D, Bùi Thanh Loan. Do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Trọng V, Nguyễn Trọng M, Nguyễn Văn L, Nguyễn Xuân T, Dương Hồng P, Điều Lý H, Phạm Văn D, Bùi Thanh L đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2019/HSST ngày 11/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B.

Bị cáo kháng cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Trọng V** (Tên gọi khác: Nhót); sinh năm 1983 tại Q; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ 01, ấp S, xã T, huyện H, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm vườn; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1954 và bà Ngô Thị B, sinh năm 1956; bị cáo chưa có vợ; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 27/3/2003 TAND huyện B xử phạt 7 tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”; Ngày 19/7/2004 TAND huyện B xử phạt 8 tháng

tù về tội “Trộm cắp tài sản”; ngày 07/7/2006 TAND tỉnh B xử phạt 60 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”; Ngày 03/4/2014 TAND tỉnh B xử phạt 3 năm tù về tội “Chống người thi hành công vụ”.

Bị tạm giữ từ ngày 01/6/2018 sau đó tạm giam đến ngày 15/01/2019 thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Nguyễn Trọng M**, sinh năm 1987 tại Q; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ 01, ấp S, xã T, huyện H, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm rẫy; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1954 và bà Ngô Thị B, sinh năm 1956; bị cáo chưa có vợ; bị cáo có 01 người con sinh năm 2017; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 07/7/2006 TAND tỉnh B xử phạt 28 tháng tù về tội “cố ý gây thương tích”.

Bị tạm giữ từ ngày 01/6/2018 sau đó tạm giam cho đến ngày 15/01/2019 thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Nguyễn Văn L**, sinh ngày 13/02/1993 tại B; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ 01, ấp S, xã T, huyện H, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm vườn; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1973 và bà Cao Thị L, sinh năm 1975; bị cáo có vợ tên: Hoàng Thị Trang T, sinh năm 1996; bị cáo có 01 người con sinh năm 2014; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

4. Họ và tên: **Nguyễn Xuân T** (Tên gọi khác: Nhóc), sinh năm 1981 tại B; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ 20, khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Công C sinh năm 1941 (đã chết) và bà Trương Thị N, sinh năm 1940; bị cáo chưa có vợ; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 05/6/2007 UBND huyện B áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 24 tháng.

Ngày 24/8/2011 TAND thị xã B xử phạt 14 tháng tù về tội “gây rối trật tự công cộng”. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên: **Dương Hồng P** (Tên gọi khác: Ken), sinh năm 1986 tại B; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ 9, ấp P, xã T, thị xã B, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Hồng B, sinh năm 1949 và bà

Nguyễn Thị H, sinh năm 1958; bị cáo có vợ: Huỳnh Thị H, sinh năm 1990 (đã ly hôn); bị cáo có 01 người con sinh năm 2008; tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị tạm giữ từ ngày 01/6/2018 sau đó tạm giam cho đến ngày 26/7/2018 thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: **Điêu Lý H** (Tên gọi khác: Điêu Hiệp), sinh năm 1999 tại B; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ 4, khu phố B 1, phường H, thị xã B, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: S Tiêng; giới tính: Nam; tôn giáo: Tin lành; quốc tịch: Việt Nam; con ông Điêu A (đã chết) và bà Thị T, sinh năm 1965; bị cáo chưa có vợ; Tiền án: Không; tiền sự: Không.

Bị tạm giữ ngày 01/6/2018 cho sau đó tạm giam cho đến ngày 26/7/2018 có quyết định cho bảo lãnh. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

7. Họ và tên: **Phạm Văn D**, sinh năm: 1991 tại B; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Tổ 4, khu phố B 1, phường H, thị xã B, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T, sinh năm 1964 và bà Trần Thị T, sinh năm 1961; bị cáo chưa có vợ; tiền án; Không; tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 29/9/2012 TAND tỉnh B xử phạt 7 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản”. Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

8. Họ và tên: **Bùi Thanh L** (Tên gọi khác: Bùi Thanh L; Tí Cô C), sinh năm 1979 tại B - V; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 103/38 Lê Lợi, phường 6 (nay là phường T), thành phố V, tỉnh B – V; nơi đăng ký tạm trú: Tổ 20, khu phố P, phường A, thị xã B, tỉnh B; nghề nghiệp: Bảo vệ; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1956; bị cáo có vợ: Đoàn Thị Thanh H, sinh năm 1980; bị cáo có 01 người con sinh năm 2007; tiền án: Không, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 05/4/1997 TAND tỉnh B – V xử phạt 02 năm tù về tội “cướp tài sản”. Bị cáo chưa chấp hành án lý do bỏ đi khỏi địa phương. Tòa án thành phố V và cơ quan thi hành án hình sự không ban hành quyết định truy nã.

Bị tạm giữ từ ngày 01/6/2018 sau đó tạm giam cho cho đến ngày 26/7/2018 có quyết định cho bảo lãnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra còn có các bị cáo khác nhưng do không có kháng cáo, kháng nghị nên không đề cập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 26/5/2018 Nguyễn Trọng V và Nguyễn Văn S thấy lô cao su đang thanh lý thuộc ấp S, xã T, huyện H, tỉnh B nên V có ý định muốn gặp người chủ đang khai thác để yêu cầu được làm bảo vệ lô (hình thức giống như bảo kê). Qua tìm hiểu, V biết anh Đinh Trường Glà chủ nên đã đặt vấn đề với anh Giang. Nhưng trước đó, anh Giang đã thuê Nguyễn Xuân T nhận làm bảo vệ trước nên anh G không nhận lời. Ngay sau đó anh G có nói lại cho T biết có một nhóm thanh niên trong xã T đòi làm “bảo kê” đồng thời nhờ T gặp V để thương lượng. Sau đó T đã chủ động gặp V để thương lượng nhưng không thành.

Trưa ngày 31/5/2018 Nguyễn Trọng V nói với Nguyễn Văn S (S H), Nguyễn Văn L, Hoàng Đức H, Ngô Hoàng H (Cu Minh), Đào Hoàng S đến lô cao su đang thanh lý nhưng không nói rõ mục đích là đến đó làm gì. Tất cả đồng ý và đi đến nơi đang cưa cao su thanh lý.

Khi đến nơi, Việt tìm anh G nhưng không gặp anh G cả nhóm quay lại quán cà phê Anh và Em và mua bia về uống.

Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 31/5/2018 anh G nhận được điện thoại của anh Trần Thái S là người quản lý lô cho anh G điện thoại báo là nhóm V vừa mới vào lô nói nếu anh G không đưa tiền sẽ không cho cưa cao su. Ngay sau đó, anh G có gọi điện cho L vào lô xem tình hình như thế nào. Do L và T đang uống bia tại nhà của L nên L điều khiển xe mô tô chở T về nhà của T đồng thời L gọi điện cho Dương Hồng P nói xuống nhà T có việc nếu có “hàng” cầm theo.

P điều khiển xe mô tô đến nhà T và cầm theo 01 con dao bằng kim loại. Lúc này tại nhà T gồm có: L, P, T, Điều Lý H, Phạm Văn D, T chuẩn bị 04 cây tuýp sắt, hai chai Pepsi chứa xăng bên trong (gọi là bom xăng tự chế) 01 cái búa, 01 dao rựa tất cả bỏ vào trong 01 cái bao nylon màu trắng và kêu H đem để lên xe ba bánh của T.

Sau đó L điều khiển xe Dream chạy trước, P đi xe Wave chở D, T đi xe ba bánh chở H cùng với các loại hung khí do T chuẩn bị đi sau cùng. Trước khi đi, P có điện thoại cho Điều O là bạn của P nhờ Điều O vào lô để nói chuyện với nhóm V, O đồng ý.

Trên đường đi đến xã T, huyện H xe ba bánh của T bị hỏng nên T gọi cho D quay xe lại đón T và H, còn P, L, Điều O đợi tại nhà máy chế biến mủ 30/4 thuộc tổ 1, ấp S, xã T, huyện H khi D quay lại đón T và H tới cổng nhà máy chế biến 30/4 lúc này P chở T, L chở H và D cùng với bao đựng hung khí. Còn O đi một mình vào lô.

Khi đi ngang qua quán cà phê Anh và Em, T nhìn thấy V đang ngồi trong quán và một số người khác. Trường kêu P quay xe lại lúc này L và O thấy vậy cũng đi theo. Khi đến trước quán, D để bao đựng hung khí xuống đường đất D và T mỗi người cầm 01 chai Pepsi chứa xăng bên trong (gọi là bom xăng). T và D châm lửa đốt chai bom xăng ném về phía nhóm V đang ngồi trong quán cà phê thấy vậy nhóm của V gồm: Nguyễn Trọng V, Nguyễn Trọng M, Hoàng Đức H, Hà Minh Đ, Nguyễn Văn S bỏ chạy ra ngoài. Lúc này T cầm cây búa sắt, L, P, H mỗi người cầm 01 đoạn ống tuýp sắt, D cầm dao rựa đuổi theo nhóm V nhưng không kịp nên tất cả bỏ về.

Riêng Điều O không tham gia vào việc đuổi đánh nhóm V. Trên đường về, T nhận được điện thoại của V với nội dung thách thức nhóm T quay lại đánh nhau sau khi nghe điện thoại T kêu P quay lại quán cà phê Anh và Em để đánh nhau với nhóm V, tuy P có cảnh báo cho T là coi chừng đã bị phục nhưng T vẫn kêu P quay lại, L không thấy T nên cũng quay lại cùng với D, H.

Khi P và T vừa tới cửa hàng vật liệu xây dựng H, cách quán cà phê Anh và Em khoảng 100m thì gặp nhóm V gồm: V cầm 02 dao mã tấu, H cầm 01 cục đá xanh và 01 chai nước ngọt Pepsi chưa sử dụng, M cầm 01 dao mã tấu và cây tầm vông, L và S cầm rựa, H chở Đ cầm theo 01 cái chĩa và 01 cây cuốc. Khi T và P quay lại đến gần cây diệp bì H và Đ dùng cuốc và cây ném về T, P sau đó hai bên dùng gạch, đá nhặt được bên đường ném nhau thì L, D, H cũng chạy tới và hai bên tiếp tục đánh nhau bằng các loại hung khí gồm mã tấu, rựa, cây, búa và gạch đá hậu quả T và D bị thương nặng sau đó đưa đi cấp cứu.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2019/HSST ngày 11/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B đã tuyên xử:

Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Trọng V, Nguyễn Trọng M, Nguyễn Văn L, Nguyễn Xuân T, Dương Hồng P, Điều Lý H, Phạm Văn D, Bùi Thanh L phạm tội “gây rối trật tự công cộng”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng V 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 01/6/2018 đến ngày 15/01/2019.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng M 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 01/6/2018 đến 15/01/2019.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo Bùi Thanh L 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 01/6/2018 đến 26/7/2018.

Xử phạt bị cáo Dương Hồng P 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 01/6/2018 đến 26/7/2018.

Xử phạt bị cáo Điều Lý H 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án. Khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 01/6/2018 đến 26/7/2018.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn D 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên xử các bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/3/2019 bị cáo Nguyễn Trọng V kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, các bị cáo Nguyễn Trọng M, Nguyễn Văn L kháng cáo xin hưởng án treo. Ngày 25/3/2019 các bị cáo Nguyễn Xuân T, Dương Hồng P, Bùi Thanh L kháng cáo xin hưởng án treo. Ngày 26/3/2019 các bị cáo Phạm Văn D, Điều Lý H kháng cáo xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Trọng V, Nguyễn Trọng M, Nguyễn Văn L, Nguyễn Xuân T, Dương Hồng P, Bùi Thanh Loan, Phạm Văn D vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát xét xử phúc thẩm đề nghị Hội đồng xét xử:

Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Trọng V. Không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Trọng M, Nguyễn Văn L, Nguyễn Xuân T, Dương Hồng P, Bùi Thanh Loan, Phạm Văn D, Điều Lý H.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2019/HSST ngày 11/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[2]. Về tố tụng: Bị cáo Điều Lý H có đơn kháng cáo xin hưởng án treo, bị cáo được tại ngoại Tòa án tỉnh B đã triệu tập hợp lệ để tham dự phiên tòa phúc thẩm lần thứ hai nhưng bị cáo không có mặt. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 351 của

Bộ luật tố tụng Hình sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Trọng V và kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Trọng M, Nguyễn Văn L, Nguyễn Xuân T, Dương Hồng P, Bùi Thanh Loan, Phạm Văn D, Điều Lý H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Trọng V, Nguyễn Trọng M, Nguyễn Văn L, Nguyễn Xuân T, Dương Hồng P, Bùi Thanh Loan, Phạm Văn D đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, như bản án sơ thẩm đã kết luận, xét lời khai của các bị cáo là phù hợp với các tài liệu chứng cứ được tranh tụng tại phiên tòa. Do đó Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Bản án hình sự sơ thẩm số 13/2019/HSST ngày 11/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Trọng V, Nguyễn Trọng M, Nguyễn Văn L, Nguyễn Xuân T, Dương Hồng P, Điều Lý H, Phạm Văn D, Bùi Thanh L và các bị cáo khác không kháng cáo phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt các bị cáo: Nguyễn Trọng V 02 năm 06 tháng tù, Nguyễn Trọng M 02 năm 02 tháng tù, Nguyễn Xuân T 02 năm 04 tháng tù, Bùi Thanh L 02 năm 04 tháng tù, Dương Hồng P 02 năm tù, Điều Lý H 02 năm tù, Phạm Văn D 02 năm tù và Nguyễn Văn L 02 năm tù là không nặng, đã đánh giá đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cũng như nhân thân của từng bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Trọng V kháng cáo xin giảm nhẹ; các bị cáo Nguyễn Trọng M, Nguyễn Văn L, Nguyễn Xuân T, Dương Hồng P, Bùi Thanh L, Phạm Văn D, Điều Lý H kháng cáo xin hưởng án treo nhưng không đưa ra được tình tiết giảm nhẹ nào mới, nên nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ và xin hưởng án treo của các bị cáo không có căn cứ chấp nhận.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát đề nghị không chấp nhận nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ và xin hưởng án treo của các bị cáo là có căn cứ chấp nhận.

[5] Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356, điểm c khoản 1 Điều 351 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015.

[1] Không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Trọng V.

[2] Không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo Nguyễn Trọng M, Nguyễn Văn L, Nguyễn Xuân T, Dương Hồng P, Bùi Thanh Loan, Phạm Văn D, Điều Lý H.

[3] Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 13/2019/HSST ngày 11/3/2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh B.

[4] Về tội danh:

Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Trọng V, Nguyễn Trọng M, Nguyễn Văn L, Nguyễn Xuân T, Dương Hồng P, Điều Lý H, Phạm Văn D, Bùi Thanh L phạm tội “Gây rối trật tự công cộng”.

[5] Về điều luật áp dụng và hình phạt:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 318, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng V 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 01/6/2018 đến ngày 15/01/2019.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng M 02 (hai) năm 02 (hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 01/6/2018 đến 15/01/2019.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân T 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo Bùi Thanh L 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giam từ ngày 01/6/2018 đến 26/7/2018.

Xử phạt bị cáo Dương Hồng P 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 01/6/2018 đến 26/7/2018.

Xử phạt bị cáo Điều Lý H 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời hạn tạm giam từ ngày 01/6/2018 đến 26/7/2018.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn D 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

[6] Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Nguyễn Trọng V, Nguyễn Trọng M, Nguyễn Văn L, Nguyễn Xuân T, Dương Hồng P, Bùi Thanh L, Phạm Văn D, Điều Lý H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B(01);
 - TAND huyện H (01);
 - VKSND huyện H (01);
 - Chi cục THADS huyện H (01);
 - Công an huyện H (01);
 - Sở Tư pháp tỉnh B (01);
 - PV06 CA tỉnh B (01);
 - Cổng thông tin điện tử TAND tối cao;
 - Bị cáo (03);
 - Lưu hồ sơ (01).
- (Tổng cộng 11 bản)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Khương